

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3005/UBND-KGVX
V/v xây dựng dự thảo báo
cáo điển hình, tiêu biểu

Quảng Ngãi, ngày 03 tháng 7 năm 2020

Kính gửi:

- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Sở Tài nguyên và Môi trường.



Thực hiện Công văn số 2073/LĐTBXH-HTQT ngày 09/6/2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc chuẩn bị cho Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Đề án 161 và đề xuất của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tại Công văn số 1630/SLĐTBXH-VP ngày 29/6/2020, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo báo cáo điển hình trong 05 năm thực hiện Đề án xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện các mục tiêu của Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN đến năm 2025 (theo mẫu 02) với chủ đề: “Bảo vệ môi trường, giảm thiểu biến đổi khí hậu”.

2. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội lựa chọn chủ đề tiêu biểu thuộc trách nhiệm quản lý của ngành theo gợi ý (tại mẫu 3) để xây dựng dự thảo báo cáo trong 05 năm thực hiện Đề án xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện các mục tiêu của Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN đến năm 2025.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng báo cáo gửi Sở Lao động – Thương binh và Xã hội **trước ngày 06/7/2020** để tổng hợp chung, báo cáo theo yêu cầu của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 2728/UBND-KGVX ngày 17/6/2020 của UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP(VX), NC, CBTH;
- Lưu: VT, KGVX_{lmc331}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Dũng

BÁO CÁO SÁNG KIẾN ĐIỂN HÌNH TRONG 5 NĂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CỘNG ĐỒNG VĂN HOÁ – XÃ HỘI ASEAN ĐẾN NĂM 2025

Sáng kiến/điển hình là những hoạt động: 1/Có mối liên hệ chặt chẽ với Kế hoạch hành động thực hiện Đề án 161 của các Bộ, ngành và địa phương, liên quan đến năm mục tiêu của Kế hoạch tổng thể Cộng đồng VHXH ASEAN 2025, đó là có sự tham gia và mang lại lợi ích cho người dân, hoà nhập, bền vững, tự cường và năng động; 2/Thể hiện rõ vai trò của Ban Thư ký ASEAN/Đầu mối quốc gia/Các cơ quan chuyên ngành ASEAN tại Việt Nam/các đầu mối hoặc Sở, ngành của các địa phương trong thực hiện Kế hoạch

1. Tên cơ quan/đơn vị:
2. Nêu tên chương trình/dự án/hoạt động làm trường hợp điển hình
3. Lý do đề hoạt động đó là điển hình (vì quy mô lớn? vì là một thực tiễn tốt/giải quyết vấn đề hiện nay...)
4. Mô tả về sáng kiến:
 - Những ai tham gia thực hiện sáng kiến? Ai là người hưởng lợi từ sáng kiến, điển hình này?
 - Sáng kiến/điển hình được thực hiện như thế nào?
 - Nội dung của sáng kiến/điển hình là gì?
 - Sáng kiến/điển hình được thực hiện bằng công cụ/phương tiện/cách thức nào?
 - Nguồn tài chính và việc sử dụng nguồn tài chính để triển khai sáng kiến này như thế nào?
 - Những thách thức, khó khăn khi thực hiện sáng kiến/điển hình là gì?
 - Những bài học kinh nghiệm để thực hiện thành công sáng kiến/điển hình là gì?
 - Sáng kiến/điển hình/thành tựu này đóng góp như thế nào cho cộng đồng?
 - Sáng kiến/điển hình/thành tựu này đóng góp như thế nào cho Kế hoạch thực hiện Đề án 161?

Các chủ đề có thể phù hợp để báo cáo sáng kiến điển hình

- A.2. Người dân được tăng cường năng lực và các thể chế được củng cố.
- B.1. Giảm rào cản: Tăng cường năng lực để giảm các rào cản và tăng cường hoà nhập cho phụ nữ, trẻ em, thanh thiếu niên, người già, người khuyết tật, lao động di cư và nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi.
- B.2. Tiếp cận công bằng cho tất cả: Sự tiếp cận công bằng của cộng đồng đối với các dịch vụ cơ bản [và thông tin thông qua các cơ chế được tăng cường.
- B.3. Thúc đẩy và bảo vệ quyền con người: Quyền con người được lồng ghép trong các chính sách, chiến lược và chương trình cho phụ nữ, trẻ em, thanh thiếu niên, người già, người khuyết tật, người lao động di cư, và các nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi.

- C.1. Bảo tồn và quản lý bền vững đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên: Tăng cường môi trường thuận lợi cho việc bảo vệ các lợi ích bền vững từ tài nguyên môi trường và tài nguyên thiên nhiên.
- C.2. Thành phố bền vững về môi trường: Tăng cường các sáng kiến bền vững về môi trường bao gồm lập kế hoạch và quản lý tài nguyên thiên nhiên (đất, nước và không khí) có sự tham gia của các thành phố trong các quốc gia thành viên ASEAN để cải thiện chất lượng cuộc sống ở ASEAN.
- C.3. Khí hậu bền vững: Tăng cường hợp tác khu vực và khả năng của các quốc gia thành viên ASEAN để thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu phù hợp với các thỏa thuận quốc tế.
- C.4. Tiêu thụ và sản xuất bền vững: Tăng cường tích hợp các chiến lược sản xuất và tiêu dùng bền vững (SCP) và các thực tiễn tốt nhất trong các chính sách quốc gia và khu vực và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.
- D.1. Một ASEAN kiên cường trước thảm họa có thể dự đoán, ứng phó, đối phó, thích nghi và xây dựng lại tốt hơn, thông minh hơn và nhanh hơn:
 - Tăng cường quản lý chính sách, sự gắn kết và năng lực hướng tới xây dựng một ASEAN kiên cường trước thảm họa, có khả năng dự đoán, ứng phó, đối phó, thích nghi và hồi phục tốt hơn, thông minh hơn và nhanh hơn.
 - Giảm rủi ro thiên tai thông qua việc tăng cường thực hiện các thỏa thuận khu vực và quốc tế cho phép: nâng cao hiểu biết về rủi ro thiên tai; tăng cường quản trị rủi ro thiên tai; tăng đầu tư cho khả năng phục hồi; và tăng cường lập kế hoạch phòng chống thiên tai.
- D.2. Một ASEAN an toàn hơn có thể ứng phó với tất cả các mối nguy liên quan đến sức khỏe bao gồm các mối đe dọa sinh học, hóa học và phóng xạ-hạt nhân và các mối đe dọa mới nổi: Tăng cường hệ thống y tế khu vực liên kết với các khuôn khổ, mạng lưới và cơ chế khu vực và quốc tế để đối phó với các mối nguy liên quan đến sức khỏe và các mối đe dọa mới nổi trong các quốc gia thành viên ASEAN.
- D.3. Một ASEAN thích ứng với khí hậu với các năng lực thể chế và con người được nâng cao để thích ứng với các tác động của biến đổi khí hậu: Tăng cường hợp tác khu vực và khả năng của các quốc gia thành viên ASEAN để thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu phù hợp với các thỏa thuận quốc tế.
- D.4. Tăng cường an sinh xã hội cho phụ nữ, trẻ em, thanh thiếu niên, người già, người khuyết tật, nhóm dân tộc thiểu số, người lao động di cư, nhóm dễ bị tổn thương và bị thiệt thòi, và những người sống ở vùng có nguy cơ, bao gồm cả những người sống ở vùng xa và biên giới và Các khu vực nhạy cảm với khí hậu, để giảm thiểu rủi ro trong các thời điểm khủng hoảng liên quan đến biến đổi khí hậu, thảm họa và các thay đổi môi trường khác: Tăng cường an sinh xã hội cho phụ nữ, trẻ em, thanh niên người già, người khuyết tật, người lao động di cư và các nhóm bị thiệt thòi để giảm thiểu rủi ro trong thời kỳ khủng hoảng, biến đổi khí hậu và các thay đổi môi trường khác.
- D.5. Các hệ thống tài chính được tăng cường và tối ưu hóa, cũng như thực phẩm, nước, năng lượng và các mạng lưới an sinh xã hội khác trong thời kỳ khủng hoảng bằng cách làm cho các nguồn lực có nhiều hơn, dễ tiếp cận hơn, giá cả phải chăng và bền vững hơn: Cải thiện sự phối hợp khu vực giúp tăng cường và tối ưu hóa các hệ thống tài

chính, thực phẩm, nước, năng lượng và các mạng lưới an sinh xã hội khác trong thời kỳ khủng hoảng.

- D.6. Nỗ lực hướng tới một ASEAN "Không có ma túy": Tăng cường nâng cao nhận thức về vấn đề lạm dụng ma túy và các sáng kiến về sức khỏe tâm thần và phục hồi chức năng được thực hiện trong tất cả các quốc gia thành viên ASEAN hướng tới một ASEAN không có ma túy.
- E.1. Hướng tới một ASEAN mở và thích ứng:
 - Tăng cường trao đổi thông tin cởi mở và tiếp cận thông tin giữa tất cả các cơ quan ASEAN trong các trụ cột và đối tác đối thoại để hỗ trợ hợp tác và hội nhập
 - Làm sâu sắc và củng cố bản sắc ASEAN giữa các dân tộc ASEAN và cộng đồng quốc tế.
- E.2. Hướng tới một ASEAN sáng tạo, đổi mới và đáp ứng
 - Người dân ASEAN và cộng đồng quốc tế được cải thiện tầm nhìn và hiểu biết về lợi ích của hội nhập ASEAN.
 - Tăng cường hỗ trợ cho nghiên cứu, đổi mới và phát triển theo hướng tạo ra một ASEAN sáng tạo và đáp ứng.
 - Nâng cao năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực thông qua nâng cao năng lực.
 - Tăng cường hỗ trợ cho các ngành công nghiệp sáng tạo có tiềm năng tạo ra của cải và việc làm.
- E.3. Tạo nên một nền văn hóa kinh doanh trong ASEAN: Nâng cao sự tham gia vào kinh doanh của thanh niên, người khuyết tật, phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi.

BÁO CÁO VỀ CÁC CÂU CHUYỆN TIÊU BIỂU TRONG 5 NĂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CỘNG ĐỒNG VĂN HOÁ – XÃ HỘI ASEAN ĐẾN NĂM 2025

Câu chuyện là một báo cáo trần thuật của Bộ/ngành/tỉnh/thành với độc giả về những thay đổi đã xảy ra với người thụ hưởng của chương trình, dự án thực hiện bởi các cơ quan chuyên ngành từ trung ương đến địa phương liên quan đến năm đặc điểm của Kế hoạch tổng thể Cộng đồng VHXH ASEAN 2025, đó là có sự tham gia của người dân và mang lại lợi ích cho người dân, hoà nhập, bền vững, tự cường và năng động.

Câu chuyện nhằm mục đích chứng minh những tác động và thực tiễn tốt từ các sáng kiến liên quan đến việc thực hiện Kế hoạch triển khai Đề án 161. Phạm vi của các câu chuyện về lợi ích của con người không chỉ giới hạn ở mức cá nhân mà còn có thể ở cấp độ tổ chức. Câu chuyện về sự thay đổi phải tương ứng với ít nhất một tuyên bố kết quả cuối cùng và hoặc các chỉ số kết quả chính (có thể kèm theo thông tin bổ sung như hình ảnh, video, v.v...)

1. Tên cơ quan/đơn vị:
2. Tên của câu chuyện tiêu biểu
3. Nội dung câu chuyện:
 - Bối cảnh của câu chuyện
 - Câu chuyện nói về ai/cái gì? xảy ra ở đâu? Khi nào? Diễn biến ra sao?
 - Câu chuyện làm thay đổi điều gì/đem lại lợi ích gì cho cộng đồng? cho Kế hoạch thực hiện Đề án 161? Cho chính quyền.v.v...?

Các chủ đề có thể phù hợp để ghi nhận các câu chuyện tiêu biểu

- A.2. Người dân được tăng cường năng lực và các thể chế được củng cố.
- B.1. Giảm rào cản: Tăng cường năng lực để giảm các rào cản và tăng cường hoà nhập cho phụ nữ, trẻ em, thanh thiếu niên, người già, người khuyết tật, lao động di cư và nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi.
- B.2. Tiếp cận công bằng cho tất cả: Sự tiếp cận công bằng của cộng đồng đối với các dịch vụ cơ bản [và thông tin thông qua các cơ chế được tăng cường.
- B.3. Thúc đẩy và bảo vệ quyền con người: Quyền con người được lồng ghép trong các chính sách, chiến lược và chương trình cho phụ nữ, trẻ em, thanh thiếu niên, người già, người khuyết tật, người lao động di cư, và các nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi.
- C.1. Bảo tồn và quản lý bền vững đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên: Tăng cường môi trường thuận lợi cho việc bảo vệ các lợi ích bền vững từ tài nguyên môi trường và tài nguyên thiên nhiên.
- C.2. Thành phố bền vững về môi trường: Tăng cường các sáng kiến bền vững về môi trường bao gồm lập kế hoạch và quản lý tài nguyên thiên nhiên (đất, nước và không khí) có sự tham gia của các thành phố trong các quốc gia thành viên ASEAN để cải thiện chất lượng cuộc sống ở ASEAN.

- C.3. Khí hậu bền vững: Tăng cường hợp tác khu vực và khả năng của các quốc gia thành viên ASEAN để thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu phù hợp với các thỏa thuận quốc tế.
- C.4. Tiêu thụ và sản xuất bền vững: Tăng cường tích hợp các chiến lược sản xuất và tiêu dùng bền vững (SCP) và các thực tiễn tốt nhất trong các chính sách quốc gia và khu vực và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.
- D.1. Một ASEAN kiên cường trước thảm họa có thể dự đoán, ứng phó, đối phó, thích nghi và xây dựng lại tốt hơn, thông minh hơn và nhanh hơn:
 - Tăng cường quản lý chính sách, sự gắn kết và năng lực hướng tới xây dựng một ASEAN kiên cường trước thảm họa, có khả năng dự đoán, ứng phó, đối phó, thích nghi và hồi phục tốt hơn, thông minh hơn và nhanh hơn.
 - Giảm rủi ro thiên tai thông qua việc tăng cường thực hiện các thỏa thuận khu vực và quốc tế cho phép: nâng cao hiểu biết về rủi ro thiên tai; tăng cường quản trị rủi ro thiên tai; tăng đầu tư cho khả năng phục hồi; và tăng cường lập kế hoạch phòng chống thiên tai.
- D.2. Một ASEAN an toàn hơn có thể ứng phó với tất cả các mối nguy liên quan đến sức khỏe bao gồm các mối đe dọa sinh học, hóa học và phóng xạ-hạt nhân và các mối đe dọa mới nổi: Tăng cường hệ thống y tế khu vực liên kết với các khuôn khổ, mạng lưới và cơ chế khu vực và quốc tế để đối phó với các mối nguy liên quan đến sức khỏe và các mối đe dọa mới nổi trong các quốc gia thành viên ASEAN.
- D.3. Một ASEAN thích ứng với khí hậu với các năng lực thể chế và con người được nâng cao để thích ứng với các tác động của biến đổi khí hậu: Tăng cường hợp tác khu vực và khả năng của các quốc gia thành viên ASEAN để thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu phù hợp với các thỏa thuận quốc tế.
- D.4. Tăng cường an sinh xã hội cho phụ nữ, trẻ em, thanh thiếu niên, người già, người khuyết tật, nhóm dân tộc thiểu số, người lao động di cư, nhóm dễ bị tổn thương và bị thiệt thòi, và những người sống ở vùng có nguy cơ, bao gồm cả những người sống ở vùng xa và biên giới và Các khu vực nhạy cảm với khí hậu, để giảm thiểu rủi ro trong các thời điểm khủng hoảng liên quan đến biến đổi khí hậu, thảm họa và các thay đổi môi trường khác: Tăng cường an sinh xã hội cho phụ nữ, trẻ em, thanh niên người già, người khuyết tật, người lao động di cư và các nhóm bị thiệt thòi để giảm thiểu rủi ro trong thời kỳ khủng hoảng, biến đổi khí hậu và các thay đổi môi trường khác.
- D.5. Các hệ thống tài chính được tăng cường và tối ưu hóa, cũng như thực phẩm, nước, năng lượng và các mạng lưới an sinh xã hội khác trong thời kỳ khủng hoảng bằng cách làm cho các nguồn lực có nhiều hơn, dễ tiếp cận hơn, giá cả phải chăng và bền vững hơn: Cải thiện sự phối hợp khu vực giúp tăng cường và tối ưu hóa các hệ thống tài chính, thực phẩm, nước, năng lượng và các mạng lưới an sinh xã hội khác trong thời kỳ khủng hoảng.
- D.6. nỗ lực hướng tới một ASEAN "Không có ma túy": Tăng cường nâng cao nhận thức về vấn đề lạm dụng ma túy và các sáng kiến về sức khỏe tâm thần và phục hồi chức năng được thực hiện trong tất cả các quốc gia thành viên ASEAN hướng tới một ASEAN không có ma túy.
- E.1. Hướng tới một ASEAN mở và thích ứng:

- Tăng cường trao đổi thông tin cởi mở và tiếp cận thông tin giữa tất cả các cơ quan ASEAN trong các trụ cột và đối tác đối thoại để hỗ trợ hợp tác và hội nhập
- Làm sâu sắc và củng cố bản sắc ASEAN giữa các dân tộc ASEAN và cộng đồng quốc tế.
- E.2. Hướng tới một ASEAN sáng tạo, đổi mới và đáp ứng
 - Người dân ASEAN và cộng đồng quốc tế được cải thiện tầm nhìn và hiểu biết về lợi ích của hội nhập ASEAN.
 - Tăng cường hỗ trợ cho nghiên cứu, đổi mới và phát triển theo hướng tạo ra một ASEAN sáng tạo và đáp ứng.
 - Nâng cao năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực thông qua nâng cao năng lực.
 - Tăng cường hỗ trợ cho các ngành công nghiệp sáng tạo có tiềm năng tạo ra của cải và việc làm.
- E.3. Tạo nên một nền văn hóa kinh doanh trong ASEAN: Nâng cao sự tham gia vào kinh doanh của thanh niên, người khuyết tật, phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi.